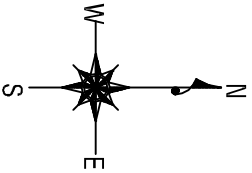
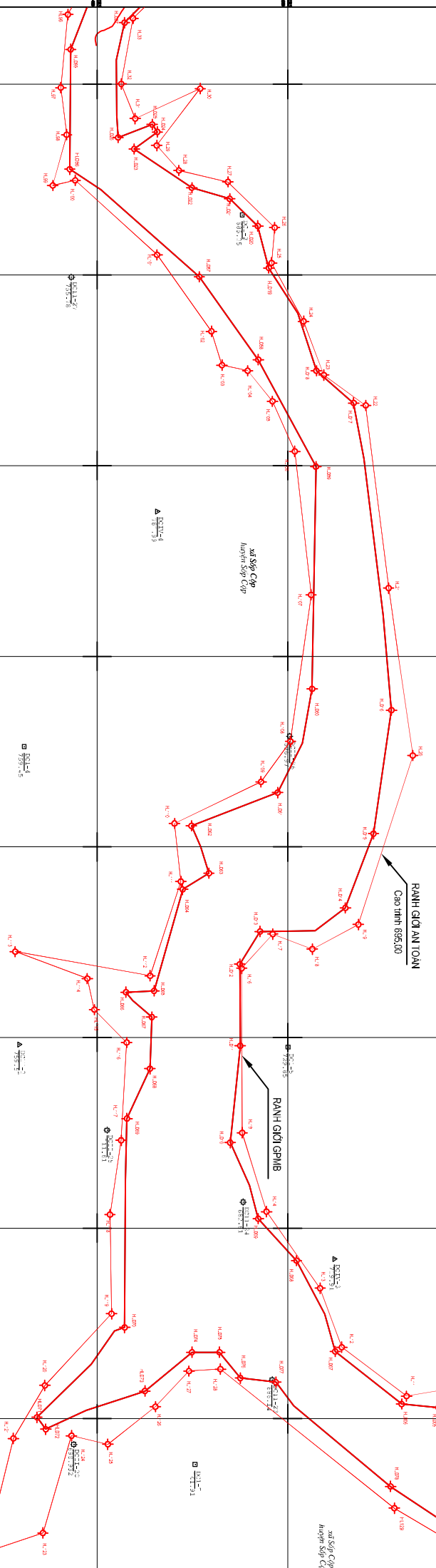


SƠ ĐỒ MỐC HÀNH LANG BẢO VỆ HỒ CHỨA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TÀ CỎ (TỜ 2)



Tọa độ VN2000			
SIT	Trạm	X (m)	Y (m)
1	HT.01	229000.524	428912.700
2	HT.02	229000.524	428912.700
3	HT.03	229004.396	428944.535
4	HT.04	229004.396	428944.535
5	HT.05	229004.396	428944.535
6	HT.06	229004.396	428944.535
7	HT.07	229004.396	428944.535
8	HT.08	229004.396	428944.535
9	HT.09	229004.396	428944.535
10	HT.10	229004.396	428944.535
11	HT.11	229004.396	428944.535
12	HT.12	229004.396	428944.535
13	HT.13	229004.396	428944.535
14	HT.14	229004.396	428944.535
15	HT.15	229004.396	428944.535
16	HT.16	229004.396	428944.535
17	HT.17	229004.396	428944.535
18	HT.18	229004.396	428944.535
19	HT.19	229004.396	428944.535
20	HT.20	229004.396	428944.535
21	HT.21	229004.396	428944.535
22	HT.22	229004.396	428944.535
23	HT.23	229004.396	428944.535
24	HT.24	229004.396	428944.535
25	HT.25	229004.396	428944.535
26	HT.26	229004.396	428944.535
27	HT.27	229004.396	428944.535
28	HT.28	229004.396	428944.535
29	HT.29	229004.396	428944.535
30	HT.30	229004.396	428944.535
31	HT.31	229004.396	428944.535
32	HT.32	229004.396	428944.535
33	HT.33	229004.396	428944.535
34	HT.34	229004.396	428944.535
35	HT.35	229004.396	428944.535
36	HT.36	229004.396	428944.535
37	HT.37	229004.396	428944.535
38	HT.38	229004.396	428944.535
39	HT.39	229004.396	428944.535
40	HT.40	229004.396	428944.535
41	HT.41	229004.396	428944.535
42	HT.42	229004.396	428944.535
43	HT.43	229004.396	428944.535
44	HT.44	229004.396	428944.535
45	HT.45	229004.396	428944.535



30	HT.30	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
31	HT.31	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
32	HT.32	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
33	HT.33	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
34	HT.34	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
35	HT.35	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
36	HT.36	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
37	HT.37	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
38	HT.38	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
39	HT.39	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
40	HT.40	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
41	HT.41	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
42	HT.42	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
43	HT.43	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
44	HT.44	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535
45	HT.45	229004.396	428944.535	428944.535	428944.535

- CHỈ DẪN
- Δ Điểm san bằng
 - ◊ Điểm đường chuyển cấp 1:2
 - ◊ Mốc ranh giới HLBV
 - ◊ Điểm đặt các cọc thép

Tỷ lệ 1 : 2000

1cm trên bản vẽ bằng 20m thực địa

Hệ tọa độ: VN2000, mặt bằng: QG, KTT: 1040.00'

Hệ độ cao: Quốc gia

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

THỦY ĐIỆN TÀ CỎ

SƠ ĐỒ MỐC HÀNH LANG BẢO VỆ HỒ CHỨA

Người lập	Phạm Đức Chiến	Người kiểm tra	Lê Văn Mạnh
Ngày lập	12/2017	Ngày kiểm tra	12/2017

TC-HLBV